



VAI TRÒ CỦA CÔNG NHÂN XƯỞNG BA SON TRONG CUỘC TRANH CỬ HỘI ĐỒNG THÀNH PHỐ SÀI GÒN NĂM 1929 VÀ 1933

ThS Shibuya Yuki*

Đặt vấn đề

Từ cuối thế kỷ XIX, luật pháp thực dân cho phép Sài Gòn bầu ra một Hội đồng thành phố gồm đại biểu Tây và Nam để quản lý. Cho đến năm 1933, trong Hội đồng thành phố Sài Gòn chỉ còn có nghị viên “đảng Lập Hiến”. Kỳ bầu cử ngày 30 tháng 4 năm 1933, lần đầu tiên trong lịch sử phong trào công nhân Việt Nam, đại biểu “Sở Lao động” tức là danh sách ứng cử viên của quần chúng lao động, đứng đầu là một đảng viên cộng sản giành được thắng lợi.

Bài viết này quan tâm đến 2 vấn đề chính: thứ nhất là nguyên nhân tại sao có sự đàn áp của chính quyền thực dân và hạn chế hoạt động chính trị nhưng “Sở Lao động” vẫn đắc cử, và thứ hai là thành phần những người ủng hộ “Sở Lao động”. Tôi nghiên cứu về sự kiện này qua các tờ báo bằng chữ quốc ngữ được xuất bản dưới thời kỳ thực dân Pháp như báo *Công luận*, báo *Thần Chung*, báo *Đuốc Nhà Nam* và một số tờ báo bằng tiếng Pháp.

1. Hoạt động chính trị công khai ở thành phố Sài Gòn: trước cuộc khủng hoảng kinh tế (1877 – 1929)

1.1. Chế độ đầu phiếu phổ thông của Hội đồng thành phố Sài Gòn

a) Những quy định của luật pháp chính quyền thực dân

Hội đồng thành phố Sài Gòn đã được thành lập từ rất sớm. Ngày 16 tháng 5 năm 1877, Luật Hành chính của Pháp đã thừa nhận vị trí của Sài Gòn là “thành phố”,

* Trường Đại học Tokyo, Nhật Bản.

và cho phép Sài Gòn bầu ra một Hội đồng thành phố gồm đại biểu phương Tây và châu Á để quản lý thành phố.

Nhưng lúc bấy giờ, chế độ tuyển cử chỉ áp dụng cho người phương Tây, nghị viên châu Á được chính quyền thực dân bổ nhiệm¹.

Ngày 29 tháng 4 năm 1881, luật pháp chính quốc sửa đổi ngày 16 tháng 5 năm 1877 về việc Hội đồng thành phố Sài Gòn (Décret Métropolitain du 29 avril 1881, quy modifie le décret du 8 janvier 1877, portant institution d'un conseil municipal à Saigon) đã được công bố. Luật pháp này hạn chế người nước ngoài ứng cử, quy định nghị viên chỉ là người Pháp và người bản xứ mà thôi. Luật pháp này cũng quy định là không phân biệt phương pháp tiến hành cuộc tuyển cử của nghị viên Pháp (les membres français) và nghị viên bản xứ (les membres indigenes)². Như vậy, hai dân tộc Hoa và Ấn, hai dân tộc có thế mạnh trong hoạt động kinh tế của thành phố Sài Gòn bị loại ra khỏi hội đồng. Đối với người Hoa và người Ấn, được chính quyền thực dân tổ chức lại và chia vào các bang theo dân tộc và quê quán (5 bang cho người Hoa, và 2 bang cho người Ấn) cho phép họ tự trị cộng đồng riêng. Có lẽ đó là lý do không cho phép họ tham gia tuyển cử trong Hội đồng thành phố Sài Gòn.

Việc tuyển cử các nghị viên “Annam” đã dùng phương pháp bắt thăm chung đối với việc tuyển cử các nghị viên Pháp, có nghĩa là Hội đồng thành phố Sài Gòn được thực hành theo chế độ đầu phiếu phổ thông, và người Hoa và Ấn không được phép tham gia, có thể là lý do mà sau những năm 1920, nhiều người Việt coi Hội đồng thành phố như là một diễn đàn quan trọng nhất trong hoạt động chính trị công khai của người Việt. Các tài liệu đang được bảo tồn cho thấy là không có thị dân dân tộc thiểu số nào ứng cử và đi bỏ phiếu.

Vậy, trên thực tế, lúc bấy giờ đã có bao nhiêu người Việt có quyền bầu cử, và bao nhiêu người Việt đã bỏ phiếu? Thống kê năm 1883 cho thấy trong cuộc tuyển cử ngày 25 tháng 11, số người (Việt) được quyền bỏ phiếu là 1.228 người, và trong đó 685 người ra bỏ phiếu có ký tên³. Như vậy, tỷ lệ người đi bỏ phiếu trong số người được quyền bỏ phiếu là khoảng 56%. Dân số thành phố Sài Gòn năm 1881 là 13.481 người, trong đó số người Việt được ước chừng là 6.246 người⁴. Giả sử năm tỷ lệ nam giới vị thành niên chiếm 1/4 trong tổng số dân số, thì số lượng ấy chiếm khoảng 1.560 người. Chúng ta có thể nói là tỷ lệ tham gia bầu cử tương đối cao. Tình trạng này có thể vì Nam Kỳ là một thuộc địa và được coi như là một phần địa bàn chính quốc Pháp mong sớm đồng hoá người Việt.

b) Những nét đặc sắc của chế độ tuyển cử Hội đồng thành phố Sài Gòn

Khi so sánh chế độ tuyển cử Hội đồng thành phố Sài Gòn với các hội đồng khác thì một số nét đặc sắc của chế độ tuyển cử Hội đồng này có thể thấy rõ hơn. Lúc bấy giờ, có nhiều loại hội đồng tư vấn khác nhau được thiết lập, trong đó hai

hội đồng tiêu biểu nhất là Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ (*Conseil Colonial*) và Hội đồng Địa hạt (*Conseil d'Arrondissement / Province*). Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ được thành lập ngày 8 tháng 8 năm 1880, dưới sự lãnh đạo của Thống đốc Nam Kỳ Le Myre de Vilers. Đơn vị tuyển cử chia theo làng xã. Các làng xã tuyển một hương chức làm đại biểu cho làng, trong số các hương chức, lại tuyển ra một số nghị viên. Năm 1922, cải cách chế độ bầu cử được thực hiện dưới sự lãnh đạo của Albert Sarraut, Bộ trưởng cao cấp Bộ Thuộc địa⁵. Theo chế độ mới, những cá nhân nào có đủ điều kiện về mặt thu nhập, học vấn, nghề nghiệp được ứng cử. Trong Hội đồng Quản hạt, các nghị viên người Việt không đại diện cho toàn thể dân Nam Kỳ, vì trong đó chỉ một số người được quyền ứng cử và đi bỏ phiếu.

Ngoài Hội đồng Quản hạt ra, có một hội đồng nữa là Hội đồng Địa hạt. Hội đồng Địa hạt cũng được thành lập trong năm 1882. Các nghị viên là trưởng, phó của các tổng, không được áp dụng dưới bất kỳ chế độ tuyển cử nào⁶.

Trong tình hình này, năm 1927 có 12 nghị viên Hội đồng Địa hạt đại biểu cho tỉnh Chợ Lớn đề xuất yêu cầu các nghị viên Hội đồng Quản hạt người Việt, cải thiện tư cách nghị viên Hội đồng Địa hạt nên bình đẳng với tư cách nghị viên Hội đồng Quản hạt⁷.

1.2. Cuộc tranh cử Hội đồng thành phố Sài Gòn năm 1929

a) Sự xuất hiện của những giai cấp mới và quan niệm giai cấp dưới ảnh hưởng của công nghiệp hoá và phát triển kinh tế

Như đã trình bày ở phần trước, chế độ bầu cử của Hội đồng thành phố Sài Gòn và các Hội đồng khác rất khác nhau. Hội đồng thành phố Sài Gòn được thực hành theo chế độ đầu phiếu phổ thông. Việc đó có nghĩa là không có giới hạn nào về mặt thu nhập, nghề nghiệp, trình độ văn hoá, cá nhân nào sống trên địa bàn thành phố đều được bỏ phiếu. Như vậy, lúc bấy giờ một vấn đề phát sinh là nhiều người có quyền bỏ phiếu, đã bán phiếu của mình “với giá từ 30 đồng đến 50 đồng”⁸. Theo báo *Công Luận* ra ngày 2 tháng 12 năm 1919, không ít người trong giới “Culi, lái xe kéo” bán phiếu trước ngày tuyển cử.

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, theo xu hướng công nghiệp hoá, nhu cầu người lao động phổ thông tăng lên, nhiều người Việt di cư vào thành phố Sài Gòn và Chợ Lớn để làm ăn. Theo báo *Công Luận* ra năm 1921, so với năm 1901, dân số Sài Gòn tăng lên 75% (83.135 người), và dân số Chợ Lớn (93.949 người) tăng lên 49%. Vai trò và sức mạnh của tầng lớp lao động phổ thông, và giai cấp vô sản càng ngày càng tăng lên. Xuất hiện một số nhà buôn lớn người Việt như Trương Văn Bền⁹, đóng vai trò quan trọng trong hoạt động chính trị của người Việt. Tổ chức xã hội cộng đồng Việt đã thay đổi nhiều.

Từ những năm 1920, các chủ trương chống Pháp ra đời, quan niệm giai cấp, như “hạng thượng lưu trí thức”, “hạng tư bản”, “hạng thanh niên”, “hạng lao

động” ... trở thành phổ biến trong cộng đồng người Việt¹⁰. Theo xu hướng này, trong cuộc tranh cử Hội đồng thành phố Sài Gòn năm 1926, những người thuộc giới trí thức coi những người giới lao động phổ thông không có học vấn là đối tượng tập trung lấy phiếu bầu. Một ví dụ là phái ứng cử viên Nguyễn Khắc Nương đã nói trên tờ báo *Tân Thế Kỷ* trước cuộc tranh cử rằng phái Nguyễn Khắc Nương bênh vực quyền lợi của tất cả mọi người kể cả “bực lao động” lẫn “bực trí thức”¹¹.

b) Cuộc tranh cử Hội đồng thành phố Sài Gòn năm 1929

Xu hướng này cũng rõ hơn trong cuộc tranh cử Hội đồng thành phố Sài Gòn năm 1929. Cuộc tranh cử năm 1929 là cuộc tranh cử giữa phái Nguyễn Đình Trị, và phái Nguyễn Khắc Nương¹². Cơ quan ngôn luận đại diện phái Nguyễn Đình Trị là tờ báo quốc ngữ *Thần Chung*, và cơ quan ngôn luận đại diện phái Nguyễn Khắc Nương là tờ báo *Đuốc Nhà Nam*. Mặc dù hai phái đều là những người thân Đảng Lập hiến, thuộc vào thành phần giai cấp trí thức, nhưng trong những người ra ứng cử lần thứ nhất, phái Nguyễn Đình Trị có một người làm việc ở Xưởng Ba Son (Arsenal de Saigon) – công xưởng duy nhất ở Đông Dương và một trung tâm phong trào lao động ở Nam Kỳ. Tên nhân vật đó là Nguyễn Văn Liếng. Theo báo *Thần Chung* và báo *Đuốc Nhà Nam*, Liếng là “Thừa Biện, Quản lý Hội Lương Hữu Công Nhân Sở Thuỷ xưởng”. Nói chính xác hơn là Liếng không phải là người công nhân mà là nhân viên ở xưởng Ba Son. Phái Nguyễn Đình Trị rất tích cực mong muốn cho mọi người thấy rằng các ứng cử viên của phái mình là những người “biết thương đến phận nghèo hèn”, người lao động không phải là “hạng người bỏ đi”, nếu phái mình đắc cử, người lao động có thể thoát ly khỏi cuộc sống “đổi chén mồ hôi lấy chén cơm”¹³. Những người phái Nguyễn Đình Trị nhấn mạnh rằng cuộc tranh cử này rất có ý nghĩa trong lịch sử Nam Kỳ vì lần này là lần đầu tiên “anh em thợ thuyền” ra tranh cử, cho xã hội biết là người lao động đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống của những người dân Nam Kỳ, và cho người lao động biết tự giác bảo vệ quyền lợi của chính mình¹⁴. Lời hứa quan trọng nhất mà phái Nguyễn Đình Trị đã công bố là thực hiện cân bằng số nghị viên người Việt và người Pháp, và họ cũng có mấy lời hứa như là thực hiện chế độ 8 tiếng/ngày, tăng lương, thực hiện chế độ bảo hiểm lao động, nhằm thu hút phiếu bầu của người lao động¹⁵.

Tuy vậy, thái độ của phái Nguyễn Đình Trị hoàn toàn thay đổi ngày 6 tháng 5 sau khi kết quả cuộc tranh cử lần thứ nhất được công bố. Ba người thuộc phái Nguyễn Đình Trị, tức là Nguyễn Đình Trị (805 phiếu), Nguyễn Văn Bá (770 phiếu), Nguyễn Văn Thom (768 phiếu) giành được số phiếu nhiều nhất trong tất cả ứng cử viên, phái Nguyễn Đình Trị đã giành được thắng lợi. Nhưng để đắc cử, cần giành được 1/4 số phiếu (988 phiếu) trong tổng số người có quyền bỏ phiếu

(3.952 phiếu)¹⁶, nên không ai được đắc cử. Cuối cùng, 1 tuần sau (ngày 12 tháng 5) cuộc tranh cử lần thứ hai được thực hiện.

Tình hình cuộc tranh cử lần thứ hai rất khác với lần thứ nhất. Hai phái Nguyễn Đình Trị và Nguyễn Khắc Nương không đối lập như trước, mà họ tổ chức “Sở Hiệp Nhứt”, hợp nhất với nhau. Họ cũng không để Nguyễn Văn Liễn ra tranh cử nữa¹⁷. Trong cuộc bỏ phiếu lần thứ hai, tất cả các ứng cử viên thuộc “Sở Hiệp Nhứt” đều được đắc cử, ngoài ra các ứng cử viên khác thất bại¹⁸.

Sau cuộc bầu phiếu lần thứ nhất, phái Nguyễn Đình Trị đã hoàn toàn thay đổi thái độ đối với giai cấp lao động, họ chỉ coi giai cấp lao động như là nguồn phiếu. Trên thực tế họ không ủng hộ những người thuộc tầng lớp lao động.

Tuy nhiên, qua sự kiện này chúng ta biết được số phiếu bầu của người lao động làm việc tại xưởng Ba Son rất quan trọng đối với phái Nguyễn Đình Trị. Chúng ta có thể thấy được vì từ giữa những năm 1920 xưởng Ba Son là một trung tâm phong trào lao động ở Nam Kỳ, và vì trình độ học vấn, kỹ thuật của người lao động tương đối cao so với các nơi khác, phái Nguyễn Đình Trị không thể bỏ qua số phiếu bầu của người lao động làm việc tại xưởng Ba Son.

2. Mâu thuẫn giữa phong trào đoàn kết của người Việt và phân hoá các giai cấp xã hội: Cuộc tranh cử Hội đồng thành phố Sài Gòn năm 1933

2.1. Cuộc khủng hoảng kinh tế và sự biến đổi xã hội người Việt

a) Khủng hoảng kinh tế

Trước hết, khủng hoảng kinh tế thế giới giáng xuống Nam Kỳ. Nhiều nghiên cứu cho thấy là ảnh hưởng cuộc khủng hoảng kéo dài từ năm 1932 đến 1937¹⁹. Trong thời gian đó, nhiều công nhân bị sa thải do nhà máy thôi sản xuất, còn các cơ quan chính quyền thực dân cũng cắt giảm nhân công làm cho tầng lớp trí thức kể cả người Việt và người Tây đều bị thất nghiệp. Năm 1932, thành phố Sài Gòn mở “quán cơm thất nghiệp” ở đường Ayot (bên cạnh chợ Bến Thành), buổi sáng phát cháo, buổi trưa phát cơm cho người thất nghiệp²⁰. Năm 1933, báo chí nêu ra vấn đề “Nạn trí thức thất nghiệp”, lúc bấy giờ trên địa bàn Nam Kỳ năm nào cũng có khoảng 4.000 người được cấp bằng “sơ học”, và 200 người được cấp bằng “trung học” nhưng những người có bằng cũng bị thất nghiệp²¹.

b) Những bất ổn xã hội người Việt

Không chỉ khủng hoảng kinh tế mà là biến động chính trị cũng gây ra những bất ổn trong xã hội người Việt. Ngay sau phong trào Xôviết Nghệ Tĩnh (tháng 5 năm 1930), ngày 28 và 29 tháng 5, nông dân các tỉnh miền Tây như Chợ Mới (An Giang), Cao Lãnh, Ô Môn (Cần Thơ) đồng loạt đứng lên biểu tình. Ở Ô Môn, phần đông nông dân ủng hộ cách mạng yêu cầu thực hiện 5 điều, trong đó có yêu cầu là

“Lấy lúa của các nhà giàu mà phân phát cho dân”²². Sáng ngày 2 tháng 6, 500 nông dân tập trung trên đường giữa Trà Vinh và Vĩnh Long, bố trí trẻ em và phụ nữ đứng đầu đi đến địa điểm cách trung tâm Vĩnh Long 3km, họ treo cờ đỏ, trên đó có dòng chữ trắng là “Đả đảo những chức việc tổng làng. Truy điệu những người đã chết ở Chợ Mới”²³.

2.2. Cuộc tranh cử Hội đồng thành phố Sài Gòn năm 1933

a) Cuộc tranh cử Hội đồng thành phố Sài Gòn năm 1933

Ngày 30 tháng 4 năm 1933, sau cuộc khủng hoảng kinh tế, lần đầu tiên cuộc tranh cử Hội đồng thành phố được tiến hành. Ngoài các ứng cử viên thuộc phái Nguyễn Đình Trị ra, 8 ứng cử viên “Sở Lao động” chẳng hạn như: Nguyễn Văn Tạo, Trần Văn Thạch, Lê Văn Tữu ra tranh cử, gây sốc tâm lý của thị dân thành phố Sài Gòn, đặc biệt là của những người theo Đảng Lập hiến. Lúc bấy giờ, thị dân Sài Gòn thấy cuộc tranh cử này là cuộc tranh cử giữa phái thủ cựu Nguyễn Đình Trị, và phái quá khích “Sở Lao động”²⁴.

Kết quả của cuộc tổng tuyển cử diễn ra ngày 30 tháng 4 rất khác với dự đoán của nhiều người Việt. Nhiều người trí thức có quyền bỏ phiếu từ chối đi bầu, vì lý do họ không chấp nhận người lao động ứng cử. Trong tất cả 4.332 người có quyền bỏ phiếu chỉ 982 người đi bầu. Tỷ lệ số người đi bầu trong số người có quyền bỏ phiếu xuống tới 32%²⁵. Không có ứng cử viên nào đạt được 1/4 số phiếu trong số người có quyền bỏ phiếu, nên không ai được đắc cử. Tổng số phiếu của tất cả 8 ứng cử viên Sở Lao động giành được, nhiều hơn tổng số phiếu của các phái bảo thủ²⁶.

Sự thắng lợi toàn diện của Sở Lao động gây sốc tâm lý của thị dân thành phố Sài Gòn, đặc biệt là của những người theo Đảng Lập hiến. Các tờ báo chữ quốc ngữ kết luận rằng nguyên nhân thắng lợi của Sở Lao động là do cách truyền bá khéo léo, và việc số người bỏ phiếu ít.

Chúng ta có thể biết thái độ của phái bảo thủ đối với Sở Lao động qua một bài trên báo *Đuốc Nhà Nam* ra ngày 6 tháng 5 năm 1933. Bài đó viết rằng 3 ứng cử viên Sở Lao động là bộ ba nói dối, nhân vật nguy hiểm khuyến khích người lao động (thợ thuyền) theo quan niệm giai cấp được truyền từ “bên Moskva”, khuyến khích sự đối lập giữa các giai cấp.

Ngày 5 tháng 7, cuộc tuyển cử lần thứ 2 đã được tổ chức. Số người đi bỏ phiếu là 1.500 người, gấp 1,5 lần so với lần thứ nhất. Ngoại trừ Tạo và Thạch, không ứng cử viên Sở Lao động nào thắng lợi. Trong 8 người đắc cử 6 người là phe Chiều – Trị. Những người thuộc phái bảo thủ mỉa mai gọi Hội đồng thành phố là “Hội đồng Cộng sản”²⁷. Họ cũng phê bình rằng phái Sở Lao động là những

người không muốn thực hiện lợi ích chung của cộng đồng người Việt, và họ tạo ra đối lập nội bộ trong cộng đồng người Việt.

b) Cuộc tranh cử Hội đồng thành phố và công nhân xưởng Ba Son

Khi phân tích kết quả tuyển cử hội đồng thành phố Sài Gòn, chúng ta cần biết chế độ tuyển cử diễn ra như thế nào. Ít nhất đến năm 1933, thủ tục đăng ký được thực hiện bởi các chủ doanh nghiệp, hay là người lãnh đạo của cơ quan chính quyền. Tức là, trước khi tuyển cử được thực hiện, chính quyền thành phố công bố danh sách những người có quyền bỏ phiếu, và sau đó các chủ doanh nghiệp và người lãnh đạo của cơ quan chính quyền ra trụ sở chính quyền thành phố xác nhận lại tên người lao động, chủ doanh nghiệp và người lãnh đạo của các cơ quan chính quyền trực tiếp phát bầu cho người lao động²⁸. Theo cách làm này, người lao động sống ở thành phố và làm việc tại các cơ quan, cơ sở sản xuất không cần làm gì trước cuộc bầu. Chúng ta có thể thấy rằng, xưởng Ba Son là một cơ sở sản xuất quy mô lớn, thuộc chính quyền thực dân, nên người lao động làm việc ở xưởng Ba Son rất dễ đi bỏ phiếu, là một nguồn phiếu quan trọng cho phái thủ cựu và phái “Sở Lao động”.

Một điều chúng ta cần chú ý là từ giữa những năm 1920 đến 1933, tỷ lệ số người tham gia bỏ phiếu trong số người có quyền bỏ phiếu rất thấp (năm 1929 lần thứ nhất: 35%, năm 1929 lần thứ hai: 26%; năm 1933 lần thứ nhất: 23%, năm 1933 lần thứ hai: 35%). Mặc dù theo nguyên tắc, những người lao động trong giới “Culi, lái xe kéo” cũng có quyền bỏ phiếu, nhưng trên thực tế người đi bỏ phiếu thuộc tầng lớp trí thức và giai cấp lao động chân tay làm việc ở các cơ quan, cơ sở lớn nhất như xưởng Ba Son chiếm đa số. Tôi nghĩ là đề tài nghiên cứu về hoạt động chính trị của người Việt ở các cơ sở sản xuất và cơ quan quy mô lớn thuộc chính quyền thực dân sẽ là đề tài quan trọng về nghiên cứu Hội đồng thành phố Sài Gòn.

CHÚ THÍCH

- ¹ Goucoch, IA17/114, tài liệu Trung tâm lưu trữ Quốc gia II.
- ² Chính quyền thực dân dịch từ *les members indigenes* sang tiếng Việt là *thuộc viên Annam*.
- ³ Goucoch. IA.171/104, sđd.
- ⁴ Nguyễn Đình Đầu, *Lịch sử hình thành và phát triển từ Sài Gòn đến Thành phố Hồ Chí Minh*. Trong Nguyễn Đình Đầu và NNK, *Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh: 300 năm*, Sở Địa chính Thành phố Hồ Chí Minh, 1998, tr.109.
- ⁵ *Báo Công luận*, 4 – 7 – 1922.
- ⁶ Osborne, Milton E, *The French Presence in Cochinchina and Cambodia: Rule and Response (1859 – 1905)*, Ithaca and London: Cornell University Press, 1969, tr.324

- ⁷ Báo Đông Pháp thời báo, 1 – 6 – 1927.
- ⁸ Báo Đông Pháp thời báo, 10 – 4 – 1925.
- ⁹ Thạch Phương – Lê Trung Hoa, *Từ điển thành phố Sài Gòn – Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2001, tr.264.
- ¹⁰ Báo Tân Thế Kỷ, 13 – 12 – 1926.
- ¹¹ Báo Tân Thế Kỷ, 3 – 12 – 1926.
- ¹² Báo Đuốc Nhà Nam, 2 – 5 – 1929; báo Thần Chung 27 – 4 – 1929.
- ¹³ Báo Thần Chung, 27 – 4 – 1929.
- ¹⁴ Báo Thần Chung, 1 – 5 – 1929.
- ¹⁵ Báo Công luận, 7 – 5 – 1929,
- ¹⁶ Số người đã đi bỏ phiếu chỉ là 1.365 người.
- ¹⁷ Báo Lục Tỉnh tân văn, 11 – 5 – 1929.
- ¹⁸ Báo Thần Chung, 14 – 5 – 1929.
- ¹⁹ Norlund, Irene, Rice and the Colonial Lobby: *The Economic Crisis in French Indo-China in the 1920s and 1930s*. In *Weathering The Storm: The Economies Of Southeast Asia In The 1930s Depression*, Peter Boomgaard and Ian Brown. Singapore, Institute of Southeast Asian Studies, Leiden: KITLV Press, tr.210.
- ²⁰ Trần Văn Giàu – Trần Bạch Đằng – NNK, *Địa chí văn hoá Thành phố Hồ Chí Minh*, tập I: Lịch sử, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1998, tr.369.
- ²¹ Báo Đuốc Nhà Nam, 1 – 7 – 1933.
- ²² Báo Đuốc Nhà Nam, 31 – 5 – 1930.
- ²³ Báo Đuốc Nhà Nam, 31 – 5 – 1930.
- ²⁴ Báo Công luận, 19 – 4 – 1933.
- ²⁵ Báo Lục Tỉnh tân văn, 5 – 4 – 1933.
- ²⁶ Báo Đuốc Nhà Nam, 2 – 5 – 1933.
- ²⁷ Báo Đuốc Nhà Nam, 19 – 5 – 1933.
- ²⁸ Báo Công Luận, 23 – 4 – 1937.